| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: **306**/2019/HS-PT
Ngày 23 tháng 10 năm 2019

# NHÂN DANH

## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

## TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Lê Phước Thanh**

*Các Thẩm phán:* Ông **Trương Minh Tuấn**

Ông **Trần Quốc C.**

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà **Nguyễn Thị P Liên**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:*** Ông **Lê Quang H -** Kiểm sát viên.

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 331/2019/TLPT-HS ngày 24 tháng 9 năm 2019 đối với bị cáo **Bùi Thị Quỳnh H** về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*. Do có kháng cáo của những người bị hại - bà Nguyễn Thị C, bà Nguyễn Thị H1, bà Phạm Thị H2, bà Lê Thị H H3, ông Trần Đ và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 15/8/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

*- Bị cáo bị kháng cáo, kháng nghị:*

**BÙI THỊ QUỲNH H**; giới tính: Nữ; sinh ngày 06 tháng 6 năm 1957; trú tại: số 04 kiệt 175 P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; quốc tịch: Việt N; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 12/12; con ông Bùi Xuân N (*chết*), con bà Trương Thị D (*chết*), chồng: Ông Hồ Xuân C, sinh năm 1958, con: có 02 con (*lớn nhất 36 tuổi, nhỏ nhất 33 tuổi*); anh chị em ruột: có 09 người, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình.

*Quá trình nhân thân:* Nhỏ sống với gia đình và đi học hết 12/12. Từ năm 1976 đến năm 1978, học trung cấp Sư phạm mầm non ở huyện T, thành phố Hà

Nội. Từ năm 1978 đến năm 1992, làm việc tại phòng Giáo dục huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Sau đó, ở nhà tại số 04 kiệt 175 P, phường T, thành phố H và làm nội trợ cho đến ngày gây án. Tiền án, tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ ngày 09/11/2016, tạm giam ngày 10/11/2016- Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư **Lê Bá Nhật B** - Văn phòng Luật sư L, Đoàn Luật sư tỉnh Thừa Thiên Huế; địa chỉ: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người bị hại:*

1. Bà **Phạm Thị H2**, sinh năm 1976, trú tại: 3/51/69/131 T, phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

2. Bà **Nguyễn Thị C**, sinh năm 1983; trú tại: Khu quy hoạch tái định cư Phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

3. Bà **Nguyễn Thị H1**, sinh năm 1984, trú tại: phường P, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

4. Ông **Trần Đ**, sinh năm 1966, trú tại: huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

5. Bà **Lê Thị H H3**, sinh năm 1966, trú tại: phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1973, trú tại: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

(*Ngoài ra trong vụ án còn một số bị hại; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có kháng cáo, không liên quan đến kháng cáo, kháng nghị*).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bị cáo Bùi Thị Quỳnh H bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố về hành vi phạm tội như sau:

**1. Hành vi lừa đảo xin việc làm, xin chuyển trường của 31 người để chiếm đoạt với tổng số tiền 3.057.500.000 đồng.**

Với mục đích chiếm đoạt tài sản của người khác, nên trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2014 đến tháng 3 năm 2016, Bùi Thị Quỳnh H đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối, đưa ra nhiều thông tin giả như: Có quan hệ một số người có chức vụ tại các Sở, Ban, Ngành ở tỉnh Thừa Thiên Huế nên có khả năng xin được việc làm tại các cơ quan Nhà nước và xin chuyển trường. Nghe vậy, nhiều người tưởng thật đã đưa tiền, hồ sơ cho H nhờ xin việc làm, xin chuyển trường, nhưng H không thực hiện mà chiếm đoạt số tiền đã nhận để sử dụng vào mục đích cá nhân.

Cụ thể như sau:

***1.1. Bà Đinh Thị Thu V (sinh năm 1988, trú tại: tỉnh Quảng Trị)***

Tháng 10 năm 2014, ông Đinh Quang P (sinh năm 1980, trú tại: thành phố H, là anh ruột của V) giới thiệu bà V đến gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ xin việc cho em chồng là bà Lê Thị T. H nói dối sẽ xin cho bà T vào dạy học tại các trường cấp 2 hoặc cấp 3 trên địa bàn thành phố H và thỏa thuận chi phí từ 80.000.000 đồng đến 120.000.000 đồng và H yêu cầu đưa trước 20.000.000 đồng. Ngày 18/11/2014, bà V cùng với chị dâu là Lê Thị Ái N đến nhà giao cho H số tiền 20.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc. H có viết giấy mượn tiền.

Tiếp đến, do có nhu cầu cần việc làm, nên bà V gặp Bùi Thị Quỳnh H nhờ xin việc làm. H nói dối sẽ xin cho bà V vào làm thư viện tại các trường cấp 1 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị và thỏa thuận chi phí là 60.000.000 đồng và H yêu cầu đưa trước 20.000.000 đồng, nên bà V đồng ý.

Ngày 29/12/2014, bà V giao cho H số tiền 20.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc. H có viết giấy mượn tiền.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H chiếm đoạt của bà Đinh Thị Thu V với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Hiện H chưa hoàn trả cho bà V.

***1.2. Ông Trương Quyết T (sinh năm 1965, trú tại: tỉnh Quảng Trị).***

Tháng 3 năm 2015, trong lúc ngồi uống cà phê với bạn bè thì ông T có tâm sự về chuyện gia đình và công việc của con. Nghe vậy, bà Phạm Thị D (sinh năm 1959, trú tại: thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế) giới thiệu và dẫn ông T đến gặp Bùi Thị Quỳnh H để xin việc làm cho con gái là Trương Thị Minh T. Qua trao đổi, H nói dối sẽ xin cho cháu T vào làm kế toán tại các trường học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và thỏa thuận chi phí là 60.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 30.000.000 đồng, thì ông T đồng ý. Ngày 12/3/2015, ông T giao cho H số tiền 30.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc. Ngày 26/3/2015, ông T nhờ bà D giao cho H thêm 10.000.000 đồng. Đến khoảng ngày 28/3/2015, ông T tiếp tục giao thêm cho H 15.000.000 đồng.

Sau một thời gian dài mà thấy H không xin được việc và cháu Trương Thị Minh T thi đỗ công chức và đã đi làm việc, nên ông T yêu cầu H trả lại số tiền đã giao, thì H đã trả lại số tiền 40.000.000 đồng.

Tiếp đến, do có nhu cầu xin việc làm và tin tưởng vào lời nói của H, nên ông T tiếp tục nhờ H xin việc làm cho con trai Trương Thanh H. H cũng dùng thủ đoạn gian dối, hứa sẽ xin cho cháu H vào làm việc tại Bảo tàng cố đô Huế. Sau đó thỏa thuận xin vào làm việc tại sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Thừa Thiên Huế, với chi phí là 300.000.000 đồng và H yêu cầu đưa trước 180.000.000 đồng, nên ông T đồng ý. Ngày 31/3/2015, ông T giao cho H số tiền 40.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc và cộng thêm vào 15.000.000 đồng (số tiền H đang nợ ông T xin việc cho cháu T) để xin việc cho anh H. Ngày

20/01/2016, ông T đã giao thêm cho H số tiền 95.000.000 đồng và H viết giấy đặt cọc tiền xin việc với số tiền là 150.000.000 đồng, rồi H chiếm đoạt hết. Các lần ông T giao tiền, H đều viết và ký giấy mượn tiền.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H chiếm đoạt của ông Trương Quyết T với tổng số tiền là 190.000.000 đồng. Hiện H chưa hoàn trả cho ông T 150.000.000đ.

***1.3. Bà Châu Thị Mỹ A (sinh năm 1990, trú tại: tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Năm 2015, thông qua giới thiệu của bà Trần Thị H L (sinh năm 1971, trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế, là hàng xóm với bà A) giới thiệu đến gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ xin việc làm. Qua trao đổi, H nói dối sẽ xin cho bà A vào dạy học cấp 2 tại các trường trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và thỏa thuận chi phí là 60.000.000 đồng, nên bà A đồng ý. Ngày 14/3/2015, bà A cùng với bà L đến nhà H giao số tiền 20.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc. Ngày 4/6/2015, bà A đưa tiếp cho H 10.000.000 đồng. Sau đó, H không xin việc và chiếm đoạt, với tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Các lần bà A giao tiền, H đều viết giấy mượn tiền.

Hiện Bùi Thị Quỳnh H đã hoàn trả lại cho bà A số tiền 8.000.000 đồng. Số tiền còn lại H chưa hoàn trả cho bà A.

***1.4. Bà Hồ Thị H P (sinh năm 1961, trú tại: tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Do có quan hệ hàng xóm và nghe Bùi Thị Quỳnh H nói đã xin được việc làm cho nhiều người, nên vào tháng 4 năm 2015, bà P nhờ H xin việc cho con gái là Ngô Thị P L. H nói dối sẽ xin cho cháu L vào làm việc tại Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, thỏa thuận với bà P chi phí là 300.000.000 đồng và yêu cầu đưa trước 50.000.000 đồng, thì bà P đồng ý.

Vào cuối tháng 4/2015, bà P giao cho H số tiền 50.000.000 đồng và H đưa cho bà P bộ hồ sơ xin việc để cháu L viết các thông tin vào (hồ sơ bà P chưa giao cho H do bị thất lạc). Sau đó, H yêu cầu tiếp tục đưa tiền, nên vào khoảng giữa tháng 5/2015 (không nhớ ngày cụ thể) và ngày 26/5/2015, bà P đã giao thêm cho H 02 lần, với số tiền 230.000.000 đồng. Tổng cộng bà P giao cho H là 280.000.000 đồng. H có viết giấy mượn tiền và H đã chiếm đoạt của bà P số tiền trên. Hiện H chưa hoàn trả cho bà P.

***1.5. Bà Lê Thị H (sinh năm 1970, trú tại: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Do có mối quan hệ quen biết từ lâu, nên vào đầu tháng 5 năm 2015, bà H gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ xin việc làm cho con gái là Nguyễn Thị H3. Qua trao đổi, H nói dối sẽ xin cho cháu H3 vào làm việc tại Kho lưu trữ thành phố H và thỏa thuận chi phí là 70.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 50.000.000 đồng, thì bà H đồng ý. Ngày 19/5/2015, bà H cùng với chồng là ông Nguyễn Văn T giao cho H số tiền 50.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc. Sau đó, H tiếp tục

yêu cầu đưa tiền, nên ngày 23/5/2015, bà H giao thêm cho H số tiền 20.000.000đ và H chiếm đoạt của bà H, với tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Các lần bà H giao tiền, H viết giấy mượn tiền. Hiện H chưa hoàn trả cho bà H.

***1.6. Ông Nguyễn Chiêu H (sinh năm 1990, trú tại: tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Vào khoảng tháng 4 năm 2015, ông Nguyễn Chiêu H thông qua mối quan hệ xã hội giới thiệu, nên ông H đến gặp Bùi Thị Quỳnh H nhờ xin việc làm. H nói dối là sẽ xin việc cho H dạy học trường cấp 2 tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và thỏa thuận chi phí là 80.000.000 đồng, ông H đồng ý. Vào các ngày 22/5/2015, ngày 24/5/2015 và ngày 23/9/2015, ông H đã đưa tiền cho H 03 lần, với tổng số tiền 70.000.000 đ kèm theo bộ hồ sơ xin việc và H chiếm đoạt hết. Các lần giao tiền, H đều viết giấy mượn tiền nhưng ông H đã làm mất. Hiện H chưa hoàn trả cho ông H.

***1.7. Bà Hồ Thị H H (sinh năm 1964, trú tại: tỉnh Quảng Trị).***

Vào đầu tháng 5 năm 2015, bà H được chị ruột là Hồ Thị H P (vụ 1.4) giới thiệu đến gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ xin việc làm cho con trai là Nguyễn Bá Nhất N. Qua trao đổi, H nói dối sẽ xin cho cháu N vào làm việc tại Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế, sau đó thỏa thuận sẽ xin cho cháu N vào làm việc tại sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Thừa Thiên Huế, với chi phí là 300.000.000 đồng và H yêu cầu đưa trước số tiền 250.000.000 đồng, nên bà H đồng ý. Ngày 31/5/2015, bà H giao cho H số tiền 60.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc và H có viết giấy mượn tiền. Ngày 22/12/2015, bà H đưa tiếp cho H 30.000.000 đồng và H viết giấy mượn tiền của 02 lần, với số tiền 90.000.000 đồng. Đến ngày 25/12/2015, bà H giao cho H số tiền 160.000.000 đồng và ngày 04/01/2016, bà H tiếp tục giao cho H 30.000.000 đồng và H chiếm đoạt của bà H, với tổng số tiền là 280.000.000 đồng. Hiện H chưa hoàn trả cho bà H.

***1.8. Bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1965, trú tại: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Vào đầu tháng 5 năm 2015, bà L được bà Hồ Thị Ngọc A (tên gọi khác: H, sinh năm 1962, trú tại: phường T, thành phố H) giới thiệu gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ xin việc làm cho con gái Trần Thị Bảo L. Qua trao đổi, H nói dối sẽ xin cho cháu L dạy học tại các trường cấp 3 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và thỏa thuận chi phí 100.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 50.000.000 đồng, thì bà L đồng ý. Ngày 13/6/2015, bà L cùng với chồng là ông Trần Ngọc A giao cho H 50.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc. Sau đó, H yêu cầu tiếp tục đưa tiền, nên vào ngày 02/7/2015 và tháng 8/2015 (không nhớ ngày cụ thể), bà L giao cho H thêm 02 lần, với số tiền 30.000.000 đ và H chiếm đoạt của bà L, với

tổng số tiền là 80.000.000 đồng. Các lần bà L giao tiền, H có viết giấy mượn tiền. Hiện H chưa hoàn trả cho bà L.

***1.9. Ông Trần Q (sinh năm 1966, trú tại: thôn Loa, xã Đông Sơn, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Vào khoảng đầu tháng 7/2015 ông Trần Q ngồi uống cà phê tại quán M ở đường P, phường T, thành phố H thì tình cờ nghe được Bùi Thị Quỳnh H có khả năng xin việc làm và đã xin được việc cho nhiều người vào cơ quan Nhà nước, nên Q đặt vấn đề nhờ H xin việc làm cho con trai Trần Thanh S. Để ông Q tin tưởng, H dẫn ông Q về nhà chơi và nói dối sẽ xin cho cháu S vào làm giáo viên thể chất tại các trường trên địa bàn huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế và thỏa thuận chi phí là 70.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 60.000.000 đồng, nên ông Q đồng ý. Ngày 07/7/2015, ông Q đã giao cho H số tiền 60.000.000đ kèm hồ sơ để xin việc, H có viết giấy mượn tiền. Sau đó, H chiếm đoạt số tiền trên của ông Q. Hiện H đã hoàn trả cho ông Q số tiền 60.000.000 đồng.

Ngoài ra, sau khi được ông Q giới thiệu thêm 03 trường hợp nhờ Bùi Thị Quỳnh H xin việc làm, H đã bồi dưỡng cho ông Q 3.000.000 đồng. Hiện ông Q đã nộp lại số tiền trên cho cơ quan điều tra.

***1.10. Ông Nguyễn Viết D (sinh năm 1967, trú tại: thị trấn A, huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Thông qua giới thiệu của ông Trần Q (vụ 1.9), nên ông D gặp Bùi Thị Quỳnh H đê nhờ xin việc làm cho con trai Nguyễn Phi H. H nói dối sẽ xin được cho cháu H vào làm việc tại Chi nhánh điện lực huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế. Ngày 17/7/2015, ông D giao cho H số tiền 60.000.000 đ kèm bộ hồ sơ xin việc, H có viết giấy mượn tiền. Sau đó, H không xin việc cho con của ông D, mà chiếm đoạt của ông D số tiền trên.

Hiện H đã hoàn trả cho ông D được số tiền 30.000.000 đồng, số tiền còn lại H chưa hoàn trả cho ông D.

***1.11. Ông Trương A (sinh năm 1967, trú tại: huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Vào khoảng tháng 7 năm 2015, ông Trương A được ông Trần Q (vụ 1.9) giới thiệu gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ xin việc làm cho con trai Trương S. H nói dối sẽ xin được cho cháu S vào làm điều dưỡng tại Trung tâm y tế thành phố H, sau đó hai bên thỏa thuận xin vào Bệnh viện Trung ương Huế, với chi phí là 160.000.000 đồng và yêu cầu đưa trước 70.000.000 đồng, thì ông A đồng ý. Ngày 28/7/2015, ông A cùng với ông Q đến giao cho H số tiền 70.000.000 đồng kèm hồ sơ để xin việc. Sau đó, H yêu cầu đưa thêm tiền, nên ngày 10//8/2015, ông A nhờ ông Q đem về giao cho H 20.000.000 đồng, nhưng do ông Q bị làm mất tiền, nên ông Q đã nhờ con ruột Trần Thanh S giao cho H 5.000.000 đồng

và không có viết giấy biên nhận. Các ngày 26/11/2015, ngày 24/12/2015 và ngày 02/01/2016, ông A đã đưa thêm cho H số tiền 70.000.000đ. Các lần ông A giao tiền, H đều viết giấy mượn tiền.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H chiếm đoạt của ông Trương A với số tiền là 145.000.000 đồng và H chưa hoàn trả cho ông A.

***1.12. Bà Nguyễn Thị T (sinh năm 1966, trú tại: huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Thông qua giới thiệu của Trần Q (vụ 1.9), nên bà Nguyễn Thị T gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ xin việc làm cho con gái Nguyễn Thị Như H4. H nói dối sẽ xin cho bà H4 vào làm việc tại phòng Giáo dục huyện A và thỏa thuận chi phí là 100.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 50.000.000 đồng, nên bà T đồng ý. Ngày 20/8/2015, bà H4 và ông Q giao cho H số tiền 50.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc, H viết giấy mượn số tiền 40.000.000 đồng và đưa cho Q 10.000.000 đồng (tiền hoa hồng). Sau đó, H yêu cầu đưa thêm tiền, nên ngày 26/2/2016, bà T giao cho H số tiền 50.000.000 đồng và viết giấy biên nhận. H chiếm đoạt của bà T, với tổng số tiền là 100.000.000 đồng.

Sau khi biết H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ông Q đã tự nguyện trả lại cho bà T 10.000.000 đồng, số tiền còn lại H chưa hoàn trả cho bà T là 90.000.000 đồng.

***1.13. Ông Hoàng Đại L (sinh năm 1988, trú tại: t tỉnh Quảng Bình).***

Do có nhu cầu xin việc làm dạy thể dục tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, nên ông H Đại L gặp Trần Thị Thanh T để nhờ xin việc. T điện thoại cho H hỏi, thì H đồng ý nhận hồ sơ và yêu cầu số tiền 65.000.000 đồng. Sau đó, ông L đã chuyển cho bà T 02 lần, với số tiền 65.000.000 đồng và T đã đưa hết cho H.

Sau đó, T nói với ông L biết là không xin được việc, nên đã trả lại cho ông L số tiền 60.000.000 đồng. Ông Lâm không yêu cầu T phải trả số tiền 5.000.000 đồng.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H đã chiếm đoạt của ông H Đại L số tiền là 65.000.000 đồng.

***1.14. Bà Đinh Thị V (sinh năm 1958, trú tại: tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Tháng 8 năm 2015, bà Đinh Thị V được bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1959, trú tại: phường T, thành phố H) giới thiệu gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ H xin việc làm cho con gái là Hoàng Thị Cẩm N. H nói dối sẽ xin được cháu N vào dạy học tại trường cấp 2 hoặc cấp 3 tại địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và thỏa thuận chi phí là 70.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 40.000.000 đồng, nên bà V đồng ý. Vào tháng 8/2015 và ngày 28/10/2015, bà V đã đưa tiền cho H 02 lần, với tổng số tiền 70.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ để xin việc, H có viết giấy mượn tiền. Sau đó, H chiếm đoạt số tiền trên của bà V. Hiện H chưa hoàn trả cho bà V.

***1.15. Ông Nguyễn Thiện Q (sinh năm 1981, trú tại: thành phố H).***

Do có nhu cầu xin cho vợ là Lâm Hương T đang dạy học tại trường tiểu học H, huyện A được chuyển về dạy học tại các trường ở địa bàn thành phố H. Thông qua mẹ vợ là bà Đinh Thị H, nên ông Nguyễn Thiện Q biết Trần Thị Thanh T có quen biết một người khả năng xin việc làm, cũng như xin chuyển trường. T điện thoại cho H hỏi, thì H đồng ý nhận hồ sơ và yêu cầu số tiền 80.000.000 đồng. Nghe vậy, bà T nói lại cho ông Q biết sẽ xin về dạy ở trường tiểu học A (như H hứa), với chi phí 80.000.000 đồng, nên ông Q đồng ý.

- Khoảng tháng 8/2015, ông Q cùng với bà H đến nhà bà T đưa số tiền 80.000.000 đồng cùng với bộ hồ sơ. Ngày 15/9/2015 và ngày 21/9/2015, T đưa cho H 02 lần, với số tiền 80.000.000 đồng và T có viết giấy mượn tiền. Sau đó, H nói cho bà T biết là trường tiểu học A hết chỉ tiêu, hiện có thể xin về trường tiểu học Quang Trung với điều kiện thêm 20.000.000 đồng, T nói lại cho ông Q biết và yêu cầu đưa thêm số tiền 30.000.000 đồng, thì ông Q đồng ý.

- Khoảng tháng 01/2016, ông Q đến nhà bà T đưa thêm số tiền 30.000.000 đồng và T có viết thêm vào giấy mượn tiền của lần trước. T chỉ đưa cho H số tiền 15.000.000 đồng, còn giữ lại 15.000.000 đồng.

Đến thời hạn cam kết nhưng không thấy có quyết định như T đã hứa hẹn, nên tháng 3/2016, ông Q đến nhà T để đòi lại tiền, thì T đã trả lại số tiền 110.000.000 đồng cho ông Q.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Thiện Q số tiền 95.000.000 đồng.

***1.16. Ông Trần Đ (sinh năm 1966, trú tại: huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Vào khoảng tháng 6/2015, do có nhu cầu xin việc làm cho con gái là Trần Thị T vào dạy học ở địa bàn huyện A, nên ông Đ nhờ Trần Thị Thanh T xin việc. T điện thoại cho Bùi Thị Quỳnh H hỏi, thì H đồng ý nhận hồ sơ và yêu cầu chi phí số tiền 105.000.000 đồng. Đến khoảng tháng 8/2016, bà T điện thoại nói cho ông Đ biết là đã tìm được người có khả năng xin việc làm cho con gái dạy học tại các trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện A (như H hứa), với giá 110.000.000 đồng và chuyển trước cho bà T 45.000.000 đồng, nên ông Đ đồng ý.

- Ngày 31/8/2015, ông Đ cùng con gái đến nhà đưa cho bà T 45.000.000 đồng cùng bộ hồ sơ xin việc và bà T có viết giấy mượn tiền. Ngày 13/9/2015, T chỉ đưa cho H số tiền 35.000.000 đồng, còn giữ lại 10.000.000 đồng.

- Ngày 16/9/2015, ông Đ cùng con gái đến nhà đưa cho bà T 45.000.000 đồng và bà T có viết giấy mượn tiền. Ngày 28/9/2015, T đưa cho H số tiền 50.000.000 đồng.

- Ngày 04/01/2016, bà T đến ngân hàng Agribank chi nhánh A chuyển thêm vào tài khoản 711AB9730278 của bà T số tiền 20.000.000 đồng. T chỉ đưa cho H số tiền 10.000.000 đồng, giữ lại 10.000.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền, Trần Thị Thanh T chỉ đưa cho Bùi Thị Quỳnh H 03 lần, với tổng số tiền là 95.000.000 đồng, còn giữ lại 15.000.000 đồng.

Thấy không xin được việc làm, ông Đ đòi lại tiền, bà T đã trả lại cho ông Đ số tiền 25.000.000 đồng.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H đã chiếm đoạt của ông Trần Đ số tiền 95.000.000 đồng; hiện H chưa hoàn trả cho ông Đ còn lại.

***1.17. Bà Phạm Thị H2 (sinh năm 1976, trú tại: 3/51/69/131 T, phường P, thành phố H).***

Vào năm 2014, bà Phạm Thị H2 cùng với bà Phan Thị T (bạn học ở cùng quê, ở phường P) đi uống cà phê nên có quen biết với Trần Thị Thanh T. Qua trò chuyện, bà Phan Thị T có nói với T là "đứa bạn em (H2) đang dạy ở trường tiểu học P, bà có đường nào để chuyển lên thành phố được không, giúp nó với", thì Trần Thị Thanh T không nói gì. Đến khoảng tháng 8 năm 2015, T gọi điện thoại cho bà Phan Thị T để xin số điện thoại của bà H2, thì bà Phan Thị T đưa số điện thoại của Trần Thị Thanh T để bà H2 liên lạc và đặt vấn đề xin chuyển lên trường tiểu học T để được dạy gần nhà, thì T nói "việc chuyển lên trường T được, nhưng khó hơn chuyển lên trường P", thì bà H2 đồng ý. Bà T điện thoại cho H hỏi, thì H đồng ý nhận hồ sơ và yêu cầu số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, Trần Thị Thanh T điện thoại nói cho bà H2 biết chi phí chuyển trường (như H hứa), với chi phí 70.000.000 đồng và đưa trước số tiền 50.000.000 đồng.

Ngày 04/9/2015, bà H2 gọi điện thoại hẹn Trần Thị Thanh T đến quán nước mía trước cổng trường tiểu học T, thành phố H đưa số tiền 50.000.000 đồng và T có viết giấy mượn tiền. Cùng ngày, bà T đưa cho H số tiền 50.000.000 đồng.

Thấy thời gian lâu không có quyết định chuyển trường, nên bà H2 yêu cầu T trả lại tiền, thì T nói cho bà H2 biết đã đưa tiền và người đó đã bỏ trốn, T mới trả được cho bà H2 số tiền 1.000.000 đồng.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H đã chiếm đoạt của bà Phạm Thị H2 số tiền 50.000.000 đồng, hiện H chưa hoàn trả cho bà H2 số tiền còn lại.

***1.18. Bà Lê Thị H H3 (sinh năm 1966, trú tại: phường P, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Thông qua bà Phạm Thị T (sinh năm 1976, trú tại: phường P, thị xã H), nên bà Lê Thị H H3 đến gặp Trần Thị Thanh T để nhờ xin việc cho con gái Lê Thị Kiều T đi dạy học tại địa bàn thị xã H. Sau đó, T điện thoại hỏi H, thì H đồng ý nhận hồ sơ và yêu cầu số tiền 120.000.000 đồng. Nghe

vậy, T nói lại cho bà H biết (như H hứa) và yêu cầu đưa trước số tiền 50.000.000 đồng. Sau đó, T điện thoại nói bà H đưa đủ tiền, nên bà H đã đưa cho T 03 lần và có viết, giấy mượn tiền, cụ thể:

- Ngày 11/9/2015, bà H đến nhà giao cho T số tiền 50.000.000 đồng cùng bộ hồ sơ xin việc. Cùng ngày, T chỉ đưa cho H số tiền 40.000.000 đồng, còn giữ lại 10.000.000 đồng.

- Ngày 14/9/2015, bà H đến nhà giao cho T thêm số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 16/9/2015, T chỉ đưa cho H số tiền 35.000.000 đồng, còn giữ lại 5.000.000 đồng.

- Ngày 22/11/2015, bà H đến nhà giao cho T số tiền 30.000.000 đồng. T chỉ đưa cho H số tiền 22.500.000 đồng, còn giữ lại 7.500.000 đồng.

Thấy không xin được việc làm, bà H đòi lại tiền, T đã trả lại cho bà Hạnh được số tiền 32.000.000 đồng.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H đã chiếm đoạt của bà Lê Thị H H3 số tiền 97.500.000 đồng, hiện H chưa hoàn trả cho bà H còn lại.

***1.19. Ông Lê C (sinh năm 1957, trú tại tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Do có mối quan hệ quen biết từ lâu, nên ông Lê C được bà Nguyễn Thị K C (vụ 1.20) đến gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ xin việc làm cho con gái Lê Thị Y. H nói dối sẽ xin cho cháu Y dạy học tại các trường cấp 2 trên địa bàn huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế và thỏa thuận chi phí 75.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 50.000.000 đồng, nên ông C đồng ý. Ngày 28/9/2015, ông C cùng với bà Y đến nhà bà C giao cho H số tiền là 50.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ để xin việc, H có viết giấy biên nhận. Sau đó, H không xin việc cho cháu Y mà chiếm đoạt số tiền của ông C. Hiện H chưa hoàn trả cho ông C.

***1.20. Bà Nguyễn Thị K C (sinh năm 1967, trú tại: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Do có mối quan hệ trước đó, nên tháng 10 năm 2015, bà C gặp Bùi Thị Quỳnh H xin việc làm cho con trai là Nguyễn Đăng K. H nói dối là sẽ xin cho cháu K vào lái xe tại công ty Điện lực tỉnh Thừa Thiên Huế và thỏa thuận chi phí là 70.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 50.000.000 đồng, thì bà C đồng ý. Ngày 07/10/2015, bà C giao cho H 25.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc. Ngày 14/12/2015, bà C giao tiếp cho H số tiền 15.000.000 đồng. Các lần bà C giao tiền, H có viết giấy mượn tiền. Sau đó, H không xin việc cho cháu K mà chiếm đoạt của bà C, với tổng số tiền là 40.000.000 đồng. Hiện H chưa hoàn trả cho bà C.

***1.21. Bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1991, trú tại: huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Vào khoảng cuối tháng 9 năm 2015, thông qua bà Lê Thị B (sinh năm 1964, trú tại: huyện A, là giáo viên trường tiểu học S), nên bà H biết Trần Thị Thanh T. Đến khoảng giữa tháng 10 năm 2015, bà B đến gia đình bà H nói xin vào làm giáo viên tiểu học trên địa bàn huyện A, với số tiền 110.000.000 đồng, thì gia đình bà H đồng ý.

Sau đó, bà B gọi điện thoại cho bà T trao đổi thống nhất giá cả và bà T yêu cầu đưa trước số tiền 60.000.000 đồng, còn lại sẽ giao sau khi có quyết định. Bà T điện thoại cho H hỏi, thì H đồng ý nhận hồ sơ và yêu cầu số tiền 60.000.000 đồng. Đến ngày 20/10/2015, bà H đến nhà T giao số tiền 60.000.000 đồng và 02 bộ hồ sơ xin việc (như H hứa), thì T có viết giấy mượn tiền và hẹn đến tháng 12/2015 hoặc tháng 01/2016 sẽ có quyết định. Ngày 23/10/2015, T giao cho bà H 60.000.000 đồng và H chiếm đoạt hết.

Thấy không xin được việc làm, bà H đòi lại tiền, T đã trả lại cho bà - H được số tiền 30.000.000 đồng.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H số tiền 60.000.000 đồng, hiện H chưa hoàn trả cho bà H số tiền còn lại.

***1.22. Bà Nguyễn Thị M (sinh năm 1967, trú tại: tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Vào khoảng cuối tháng 10 năm 2015, bà M được bà Trịnh Thị D (sinh năm 1961, trú tại: 18/175 P, phường T, thành phố H là hàng xóm với H) giới thiệu và nhờ dẫn đến gặp Bùi Thị Quỳnh H để xin việc cho con gái là Trịnh Thị A H và Trịnh Thị Mỹ K. Qua trao đổi, H nói dối sẽ xin việc cho cháu H vào dạy tại trường Cao đẳng Công nghiệp Huế, còn cháu K vào làm cán bộ phòng Kinh tế Ủy ban nhân dân thành phố H (sau đó H nói sẽ xin vào làm việc tại Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế để lấy thêm tiền) và thỏa thuận chi phí là 280.000.000 đồng, thì bà M đồng ý. Đến ngày 02/11/2015, bà M cùng với 02 con đến nhà gặp H giao số tiền 160.000.000 đồng kèm 02 bộ hồ sơ xin việc. Ngày 11/01/2016, bà M và H giao tiếp cho H 50.000.000 đồng. Ngày 13/01/2015, bà M cùng với K đến nhà đưa thêm cho H 70.000.000 đồng. Các lần bà M giao tiền, H có viết giấy mượn tiền. Sau đó, H không xin việc cho cháu H và cháu K, mà chiếm đoạt của bà M với tổng số tiền là 280.000.000 đồng. Hiện H chưa hoàn trả cho bà M.

***1.23. Ông Trần Đại H (sinh năm 1987, trú tại: tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Thông qua giới thiệu của bà Hoàng Thị H (sinh năm 1966, trú tại: 2/206 P, phường T, thành phố H), nên ngày 9/11/2015, ông Trần Đại H gặp Bùi Thị Quỳnh H tại quán cơm bà H đặt vấn đề nhờ xin việc làm. H nói dối là sẽ xin cho ông H vào làm việc tại Ban quản lý xây dựng hoặc phòng Tài nguyên môi trường huyện Q và thỏa thuận chi phí là 55.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 30.000.000 đồng, thì ông H đồng ý. Vào các ngày 9/11/2015, ngày 14/12/2015

và ngày 04/1/2016, ông H đã đưa tiền cho H 03 lần, với tổng số tiền là 55.000.000 đ kèm bộ hồ sơ để xin việc và H có viết giấy mượn tiền. Sau khi nhận được tiền, H chi bồi dưỡng cho bà H 5.000.000 đồng, số tiền còn lại H chiếm đoạt hết.

Sau khi biết H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bà H đã tự nguyện trả lại cho ông H 5.000.000 đồng.

Hiện H chưa hoàn trả cho ông H số tiền là 50.000.000 đồng.

***1.24. Bà Nguyễn Thị Minh P (sinh năm 1992, trú tại: tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Vào khoảng tháng 10 năm 2015, thông qua mối quan hệ xã hội nên bà Trần Thị T (mẹ ruột của P) được bà Trịnh Thị D (vụ 1.22) giới thiệu đến gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ xin việc làm cho bà Nguyễn Thị Minh P. H nói dối sẽ xin cho cháu P vào làm điều dưỡng tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thừa Thiên Huế và thỏa thuận chi phí là 65.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước số tiền 20.000.000 đồng, thì bà T đồng ý. Ngày 18/11/2015, bà P đi cùng với mẹ đến nhà H giao số tiền 20.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc. Sau đó, H yêu cầu tiếp tục đưa tiền, nên vào các ngày 20/11/2015 và ngày 03/12/2015, bà P cùng đi với mẹ giao thêm cho H 02 lần, với số tiền là 45.000.000đ. Các lần bà P giao tiền, H có viết giấy mượn tiền. H đã chiếm đoạt của bà P, với tổng số tiền là 65.000.000 đồng. Hiện H chưa hoàn trả cho bà P.

***1.25. Bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1983, trú tại: khu quy hoạch tái định cư T, phường T, thành phố H).***

Vào ngày 07/11/2015, bà C gặp Trần Thị Thanh T trong buổi dự giờ giáo viên dạy giỏi và được biết T có chồng làm đồn phó Đồn Biên phòng, nên nghĩ chồng bà có quen biết nhiều và biết được bà T chuyển trường từ A về thành phố H không tốn tiền. Do có nhu cầu xin việc làm cho em trai là Nguyễn Hữu T vào làm việc tại Bệnh viện thành phố H, nên bà C đặt vấn đề nhờ xin việc. T điện thoại cho H hỏi, thì H đồng ý nhận hồ sơ và yêu cầu số tiền 130.000.000 đồng, nên bà T nói lại cho bà C biết (như H hứa) và yêu cầu đưa trước số tiền 120.000.000 đồng.

Đến ngày 09/11/2015, bà C đến nhà T giao số tiền 120.000.000 đồng cùng với bộ hồ sơ. Bà T có viết giấy mượn tiền và cam kết đầu tháng 12/2015 sẽ có quyết định đi làm. Ngày 21/11/2015, T chỉ đưa cho H số tiền 110.000.000 đồng, còn giữ lại 10.000.000 đồng.

Đến thời hạn cam kết nhưng không thấy có quyết định như T đã hứa hẹn, nên bà C đến nhà T để đòi lại tiền, thì T đã trả lại số tiền 25.000.000 đồng.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị C số tiền 110.000.000 đồng, hiện H chưa hoàn trả cho bà C số tiền còn lại.

***1.26. Bà Trần Thị A N (sinh năm 1989, trú tại: tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Vào ngày 09 tháng 12 năm 2015, bà N được bà Đỗ Thị Thanh H (sinh năm 1967, trú tại: thành phố H) giới thiệu gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ xin việc làm. H nói dối sẽ xin cho bà N vào dạy học tại các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên và thỏa thuận chi phí là 70.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 60.000.000 đồng. Ngày 09/12/2015, bà N cùng với bà H đến gặp và đưa cho H số tiền 60.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc. Sau đó, H yêu cầu đưa tiền cho đủ, nên ngày 13/12/2015, bà N cùng với chồng là ông Vũ Văn Đ giao tiếp cho H số tiền 10.000.000 đồng và H chiếm đoạt với tổng số tiền là 70.000.000 đồng. Khi bà N giao nhận tiền, H đều viết giấy mượn tiền. Hiện H chưa hoàn trả cho bà N.

***1.27. Bà Trần Thị Thanh N (sinh năm 1989, trú tại: tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Ngày 13/12/2015, bà N được bà Trần Thị A N (vụ 1.26) giới thiệu đến gặp Bùi Thị Quỳnh H để nhờ xin việc làm. Qua trao đổi, H nói dối sẽ xin cho bà N dạy học tại các trường tiểu học trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế và thỏa thuận chi phí là 80.000.000 đồng, nên bà N đồng ý.

Ngày 16/12/2015, bà N cùng với chồng là ông Bùi Ngọc N giao cho H số tiền 80.000.000đ kèm bộ hồ sơ xin việc. Khi bà N giao tiền, H có viết giấy mượn tiền và H chiếm đoạt của bà N số tiền trên. Hiện H chưa hoàn trả cho bà N.

***1.28. Ông Nguyễn Văn A (sinh năm 1987, trú tại: huyện A, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Vào khoảng cuối tháng 12 năm 2015, ông Nguyễn Văn A được cậu ruột là Trương A (vụ 1.11) giới thiệu gặp Bùi Thị Quỳnh H đề nhờ xin việc làm cho vợ là Nguyễn Thị H. H nói dối sẽ xin cho bà H vào dạy trường cấp 2 Trần Hưng Đạo, sau đó thỏa thuận xin vào dạy học trường Q (đều thuộc huyện A), với chi phí là 90.000.000 đồng và yêu cầu đưa trước 50.000.000 đồng, thì ông A đồng ý. Nên vào các ngày 28/12/2015, ngày 29/12/2015, ngày 02/01/2016 và ngày 17/01/2016, ông A đã giao cho H 04 lần, với tổng số tiền là 90.000.000đ kèm bộ hồ sơ để xin việc, H có viết giấy mượn tiền, H đã chiếm đoạt của ông A số tiền trên. Hiện H chưa hoàn trả cho ông A.

***1.29. Bà Lê Thị Thanh Đ (sinh năm 1972, trú tại: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Do có mối quan hệ quen biết từ lâu với Bùi Thị Quỳnh H, nên vào khoảng tháng 9 năm 2015, H đến nhà bà Lê Thị Thanh Đ chơi. Qua trò chuyện, bà Đ nhờ H xin việc làm cho con gái Nguyễn Quỳnh A. H nói dối là sẽ xin cho cháu A vào làm kế toán tại trường cấp 2 N, thành phố H, với chi phí 60.000.000 đồng,

nên bà Đ đồng ý. Tin tưởng H, ngày 20/10/2015, bà Đ giao cho H số tiền 60.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc. Đến khoảng cuối tháng 12 năm 2015, H liên lạc nói cho bà Đ biết là có 01 suất làm kế toán tại trường cấp 2 H Vương, thành phố H (gần nhà bà Đ) và yêu cầu đưa thêm số tiền 50.000.000 đồng. Ngày 02/01/2016, bà Đ đưa thêm cho H số tiền 50.000.000 đồng. Các lần giao tiền, H đều viết giấy mượn tiền và H đã chiếm đoạt của bà Đ, với tổng số tiền là 110.000.000d. Hiện H chưa hoàn trả cho bà Đ.

***1.30. Bà Lê Thị Tiến H, (sinh năm 1970, trú tại: thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Thông qua mối quan hệ đồng hương Quảng Bình với ông Hồ Xuân C (chồng H), nên ông H Trọng B quen biết và nhờ Bùi Thị Quỳnh H xin việc làm cho con trai của bà Lê Thị Tiến H là Nguyễn Viết C. Ông B trao đổi với H, thì H hứa sẽ xin cho cháu C vào làm việc tại sở Cảnh sát Phòng cháy chữa cháy tỉnh Thừa Thiên Huế và thỏa thuận chi phí là 200.000.000 đồng, H yêu cầu đưa trước 40.000.000 đồng. Nghe vậy, Ông B nói lại cho bà Lê Thị Tiến H biết, nên bà H đồng ý. Vào các ngày 16/01/2016 và ngày 29/01/2016, bà Lê Thị Tiến H đưa tiền để Ông B giao cho H 02 lần, với tổng số tiền 40.000.000 đồng kèm bộ hồ sơ xin việc và H chiếm đoạt hết.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H đã chiếm đoạt của bà Lê Thị Tiến H số tiền 40.000.000 đồng, hiện H chưa hoàn trả cho bà Lê Thị Tiến H.

***1.31. Bà Nguyễn Thị H1 (sinh năm 1984, trú tại: 5/35 Đặng Huy Trứ, phường P, thành phố H).***

Vào khoảng ngày 16/01/2016, do có nhu cầu xin việc làm cho em trai là Nguyễn Văn Tính vào Điện lực tỉnh Thừa Thiên Huế, nên bà H đặt vấn đề với Trần Thị Thanh T nhờ xin việc. T điện thoại cho H hỏi, thì H đồng ý nhận hồ sơ và yêu cầu số tiền 130.000.000 đồng. Đến chiều cùng ngày, bà T điện thoại nói cho bà H biết sẽ xin giúp em trai vào làm tại Điện lực Thừa Thiên Huế (như H hứa), với chi phí 150.000.000 đồng và giao trước số tiền 140.000.000 đồng. Đến ngày 19/01/2016, bà H đưa hồ sơ xin việc để T kiểm tra, thì T nói đảm bảo. Nên vào ngày 20/01/2016, bà H đến nhà T giao số tiền 140.000.000 đồng. T có viết giấy mượn tiền và hẹn 05 tháng sau sẽ có quyết định đi làm, nếu không sẽ hoàn trả lại số tiền đã nhận. Cùng ngày, T chỉ đưa cho H số tiền 120.000.000 đồng và sau đó đưa tiếp cho H thêm số tiền 10.000.000 đồng, còn T giữ lại 10.000.000 đồng.

Đến thời hạn cam kết nhưng không thấy có quyết định như T đã hứa hẹn, nên bà H đòi lại tiền, thì T đã trả lại số tiền 29.000.000 đồng.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H đã chiếm đoạt của bà Nguyễn Thị H1 số tiền 130.000.000 đồng, hiện H chưa hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H1 số tiền còn lại.

**2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt bằng hình thức đưa ra thông tin gian dối như: Góp vốn để kinh doanh hàng điện tử, vay tiền để đặt cọc xin việc làm và mua đất, mượn tiền để trả nợ cho người khác rồi chiếm đoạt của 03 người, với tổng số tiền là 500.000.000 đồng.**

***2.1. Bà Đào Thị H (sinh năm: 1981, trú tại 23/227 đường P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế).***

Do Bùi Thị Quỳnh H nhiều lần có vay mượn tiền của bà H và thanh toán đầy đủ. Nên tháng 6 năm 2014, H gặp bà H dùng thủ đoạn gian dối đưa ra những thông tin không đúng sự thật như: góp vốn làm ăn chung với Nguyễn Thị H (trú tại: tỉnh Quảng Trị) để mua bán hàng điện tử từ L, tỉnh Quảng Trị đem về thành phố Đ và thành phố H bán kiếm lời; vay tiền để đặt cọc mua đất và đặt cọc xin việc làm vào công ty Môi trường và công trình đô thị Huế. Để bà H tin tưởng, H còn nói dối Hà là chị em kết nghĩa và người này rất tin tưởng, H dẫn bà H đi xem và chỉ những thửa đất ở khu vực cầu L thuộc phường T và khu vực C thuộc phường T, thành phố H mà H đặt cọc mua. Nghe vậy, bà H tưởng thật nên đã đồng ý và nhiều lần đưa tiền cho H, rồi H chiếm đoạt để sử dụng vào mục đích cá nhân. Cụ thể:

- Từ tháng 6/2014 đến tháng 9/2014, bà H đã đưa tiền cho H 03 lần dưới hình thức góp vốn, với tổng số tiền là 180.000.000 đồng.

- Từ tháng 8/2014 đến tháng 6/2015, bà H đã đưa tiền cho H 04 lần dưới hình thức cho vay mượn, với tổng số tiền là 270.000.000 đồng.

Như vậy, Bùi Thị Quỳnh H đã dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của bà H với tổng số tiền là 450.000.000 đồng.

Hiện Bùi Thị Quỳnh H đã nhiều lần hoàn trả cho bà H với tổng số tiền là 50.000.000 đồng. H chưa hoàn trả cho bà H 400.000.000 đồng.

***2.2. Bà Nguyễn Thị L (sinh năm 1959, trú tại: phường T, thành phố H).***

Do có quan hệ bạn bè, nên ngày 31/12/2015, Bùi Thị Quỳnh H đến nhà gặp và nói dối với bà Nguyễn Thị L là cần tiền gấp để đặt cọc xin việc làm tại Sở Tài nguyên môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế. Nghe vậy, bà L tưởng thật nên đã đồng ý cho H vay số tiền 30.000.000đ và H chiếm đoạt. Khi bà L giao tiền, H viết giấy mượn tiền. Hiện H chưa hoàn trả.

***2.3. Bà Hồ Thị H H (sinh năm 1964, trú tại: tỉnh Quảng Trị).***

Do cần tiền để trả nợ cho bà Nguyễn Thị H (sinh năm 1964, trú tại: khu phố 2, phường 1, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị, là em cùng mẹ khác cha với H), nên H nói dối với bà Hồ Thị H H là cần tiền gấp để trả lại cho chú cán bộ Công an phường T, mà H đã vay trước đó để đặt cọc xin việc làm. Nghe vậy, bà H tưởng thật và cũng đang nhờ H xin việc làm cho con trai (vụ 1.8), nên đồng ý cho H mượn tiền. Ngày 05/02/2016, H điện thoại cho bà H biết, để liên lạc với

bà H lấy số tiền 20.000.000 đồng. Khi bà H giao tiền, bà H có viết giấy biên nhận "số tiền của bà Bùi Thị Quỳnh H, ở 175/4 P - Huế". Hiện H chưa hoàn trả.

**Như vậy, tổng số tiền mà Bùi Thị Quỳnh H đã chiếm đoạt của 33 người trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế là 3.557.500.000 đồng.**

Sau khi gây án xong, Bùi Thị Quỳnh H bỏ trốn khỏi địa phương, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định truy nã số 06/PC44 ngày 24/10/2016. Đến ngày 09/11/2016, Bùi Thị Quỳnh H đến đầu thú tại cơ quan Công an và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

***** *Về kê biên tài sản và thu giữ vật chứng trong quá trình điều tra gồm:*

- Cơ quan điều tra đã kê biên 01 (một) thửa đất số 181 (130 cũ), tờ bản đồ số 15, có diện tích 132m$^2$ tọa lạc tại 04 kiệt 175 (số cũ 77/1) P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế thuộc quyền sử dụng của ông Hồ Xuân C và bà Bùi Thị Quỳnh H.

- 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 449713 mang tên Hồ Xuân C và Bùi Thị Quỳnh H cùng trú tại số 04/175 P, phường T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế trên thửa đất số 181, tờ bản đồ số 15, diện tích 132m$^2$.

- Số tiền 3.000.000 đồng tiền Ngân hàng Nhà nước Việt N (do ông Trần Q giao nộp).

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ một số tài liệu, chứng từ liên quan đến hành vi phạm tội của Bùi Thị Quỳnh H. Tất cả các tài liệu, chứng từ này được lưu theo hồ sơ vụ án.

*Tại bản Kết luận giám định số 263/GĐ ngày 19/9/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:*

1. Chữ viết mang tên "Bùi quỳnh H" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A5 so với chữ viết của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M3 đến M7 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A5 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người ký ra.

*Tại bản Kết luận giám định số 264/GĐ ngày 21/9/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:*

1. Chữ viết mang tên "Bùi quỳnh H" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A5 so với chữ viết của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M3 đến M7 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Bùi quỳnh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 đến A5 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Bùi quỳnh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M7 có phải do cùng một người ký ra hay không.

*Tại bản Kết luận giám định số 265/GĐ ngày 23/9/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:*

1. Chữ viết mang tên: "Bùi Thị Quỳnh H", "Bùi quỳnh H" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A5.3 so với chữ viết của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M3 đến M7 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Bùi Thị Quỳnh H (Bùi quỳnh H) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A5.3 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người ký ra.

*Tại bản Kết luận giám định số 266/GĐ ngày 26/9/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:*

1. Chữ viết mang tên "Bùi quỳnh H" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1.1 đến A6 so với chữ viết của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M3 đến M7 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Bùi quỳnh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu Al.l đến A5 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Bùi quỳnh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A6 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M7 có phải do cùng một người ký ra hay không.

*Tại bản Kết luận giám định số 290/GĐ ngày 29/9/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:*

1. Chữ viết mang tên "Bùi quỳnh H", "Bùi Thị Quỳnh H" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A13 so với chữ viết của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M3 đến M7 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Bùi quỳnh H (Bùi Thị Quỳnh H) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A13 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người ký ra.

*Tại bản Kết luận giám định số 291/GĐ ngày 04/10/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:*

1. Chữ viết mang tên "Bùi quỳnh H" trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1-A9.1; A10-A12 so với chữ viết của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M3 đến M7 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Bùi quỳnh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A12 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người ký ra.

*Tại bản Kết luận giám định số 343/GĐ ngày 23/11/2016 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận: Chữ ký mang tên Bùi Quỳnh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M7 do cùng một người ký ra.*

*Tại bản Kết luận giám định số 40/GĐ ngày 06/3/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:*

1. Chữ viết mang tên Bùi Quỳnh H (Bùi Thị Quỳnh H) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A8 so với chữ viết của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 đến M13 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Bùi Quỳnh H (Bùi Thị Quỳnh H) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 đến A5; A7 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8; M12; M13 do cùng một người ký ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký mang tên Bùi Quỳnh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A6; A8 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8; M12; M13 có phải do cùng một người ký ra hay không.

*Tại bản Kết luận giám định số 41/GĐ ngày 10/3/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:*

1. Chữ viết mang tên Bùi Quỳnh H (Bùi Thị Quỳnh H) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A8 so với chữ viết của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 đến M13 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Bùi Quỳnh H (Bùi Thị Quỳnh H) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 đến A5; A7 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8; M12; M13 do cùng một người ký ra.

*Tại bản Kết luận giám định số 158/GĐ ngày 19/5/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:*

1. Chữ viết mang tên Bùi Quỳnh H (Bùi Thị Quỳnh H) trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 đến A3 so với chữ viết của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 đến M7; M9 đến M13 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Bùi Quỳnh H (Bùi Thị Quỳnh H) trên tài liệu cần giám định ký hiệu AI đến A3 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1-M7; M12; M13 do cùng một người ký ra.

*Tại bản Kết luận giám định số 181/GĐ ngày 26/5/2017 của phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:*

1. Chữ viết mang tên Bùi Quỳnh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ viết của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M2 đến M7; M9 đến M13 do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký mang tên Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1, A2 so với chữ ký của Bùi Thị Quỳnh H trên tài liệu mẫu ký hiệu M1-M7; M12; M13 do cùng một người ký ra.

**** Về trách nhiệm dân sự:***

Sau khi chiếm đoạt tài sản, Bùi Thị Quỳnh H đã hoàn trả cho 05 người với tổng số tiền là 188.000.000 đồng, gồm ông Nguyễn Viết D 30.000.000 đồng, ông Trần Q 60.000.000 đồng, ông Trương Quyết T 40.000.000 đồng, bà Châu Thị Mỹ A 8.000.000 đồng và bà Đào Thị H 50.000.000 đồng, số tiền còn Bùi Thị Quỳnh H chưa hoàn trả cho các bị hại.

Sau khi biết Bùi Thị Quỳnh H lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bà Trần Thị Thanh T đã hoàn trả cho 08 người, với tổng số tiền là 312.000.000 đồng gồm: Ông Nguyễn Thiện Q 110.000.000 đồng, Bà Lê Thị H H3 32.000.000 đồng, Ông Trần Đ 25.000.000 đồng, Bà Nguyễn Thị H 30.000.000 đồng, Bà Nguyễn Thị H1 29.000.000 đồng, Bà Nguyễn Thị C 25.000.000 đồng, Bà Phạm Thị H2 1.000.000 đồng, Ông Hoàng Đại L 60.000.000 đồng.

Ông Trần Q và bà Hoàng Thị H đã giới thiệu cho Bùi Thị Quỳnh H xin việc và được H chi tiền hoa hồng. Sau đó, biết H có hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, nên ông Q đã tự nguyện trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 10.000.000 đồng và bà H đã tự nguyện trả lại cho ông Trần Đại H số tiền 5.000.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 22/CT-VKS-P3 ngày 21/9/2018, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố bị cáo Bùi Thị Quỳnh H về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

***Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 36/2019/HS-ST ngày 15/8/2019, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:***

1. Tuyên bố bị cáo Bùi Thị Quỳnh H phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Quỳnh H 13 năm 06 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ 09/11/2016.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 9 năm 2019, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có Quyết định kháng nghị số 33/2019/KN-HS-VC2 đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra

lại theo hướng khởi tố điều tra đối với bà Trần Thị Thanh T về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" và áp dụng tình tiết phạm tội có tính chất chuyên nghiệp, tăng hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị Quỳnh H.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 người bị hại bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị C kháng cáo về phần hình sự của bản án, đề nghị xem xét lại nội dung vụ án liên quan đến hành vi của bà Trần Thị Thanh T có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không.

Ngày 16 tháng 9 năm 2019, người bị hại bà Phạm Thị H2 và ngày 18 tháng 9 năm 2019 người bị hại ông Trần Đ kháng cáo về phần hình sự của bản án, đề nghị xem xét lại nội dung vụ án liên quan đến hành vi của bà Trần Thị Thanh T có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không.

Ngày 23 tháng 9 năm 2019 người bị hại bà Lê Thị H H3 kháng cáo về phần hình sự của bản án, đề nghị xem xét lại nội dung vụ án liên quan đến hành vi của bà Trần Thị Thanh T có đủ yếu tố cấu thành tội phạm hay không.

*Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Bùi Thị Quỳnh H phù hợp với lời khai của các bị hại và phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án như: Biên bản đối chất, các kết luận giám định, Quyết định truy nã số 06/PC44 ngày 24/10/2016, biên bản đầu thú ngày 09/11/2016. Cho nên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định nội dung vụ án như sau:

Trong khoảng thời gian từ tháng 11 năm 2014 đến tháng 3 năm 2016, Bùi Thị Quỳnh H đã dùng nhiều thủ đoạn gian dối, đưa ra nhiều thông tin giả như: Có quan hệ một số người có chức vụ tại các Sở, Ban, Ngành ở tỉnh Thừa Thiên Huế nên có khả năng xin được việc làm tại các cơ quan Nhà nước và xin chuyển trường. Tin tưởng vào lời nói gian dối và hứa hẹn của H nên 31 bị hại đã đưa số tiền 3.057.500.000 đồng để Bùi Thị Quỳnh H đã chiếm. Ngoài ra, bằng hình thức đưa ra thông tin gian dối như: Góp vốn để kinh doanh hàng điện tử, vay tiền để đặt cọc xin việc làm và mua đất, mượn tiền để trả nợ cho người khác rồi chiếm đoạt của 03 người, với số tiền là 500.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Bùi Thị Quỳnh H chiếm đoạt của 33 người bị hại, với số tiền là 3.057.500.000 đồng.

Sau khi chiếm đoạt, Bùi Thị Quỳnh H bỏ trốn đến ngày 09/11/2016 ra đầu thú.

Hành vi nêu trên của bị cáo Bùi Thị Quỳnh H bị Tòa án nhân dân tỉnh Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế kết án về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*"

theo điểm a, khoản 4 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của những người bị hại và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:

[2.1] Theo lời khai của Trần Thị Thanh T thì giữa bà Bùi Thị Quỳnh H với T đã quen biết nhau từ rất lâu; vào tháng 6/2015 bà H đến nhà T chơi và tâm sự với T về việc bà H mua bán đất đai gặp khó khăn nên hiện tại chuyển sang tìm việc làm nên có thu nhập; bà H còn nói có mối quan hệ quen thân với các lãnh đạo Sở, Ban, Ngành ở huyện, tỉnh, có bạn học làm việc trong Hội đồng xét tuyển xin việc làm, có khả năng xin được việc làm cũng như việc chuyển trường và bà H đưa ra yêu cầu Trần Thị Thanh T có người thân hoặc bạn bè có nhu cầu thì giới thiệu, nếu không xin được thì bà H trả lại tiền. Tin tưởng vào lời nói, gia cảnh giàu có và có chồng con của bà Bùi Thị Quỳnh H đều là cán bộ các cơ quan pháp luật nên khi có bạn bè hoặc đồng nghiệp nhờ xin thì T điện thoại cho bà H để hỏi cụ thể từng trường hợp, đến khi bà H điện thoại cho T biết là xin được, mức giá và thời gian xin việc cho từng trường hợp thì T nói lại cho người đặt vấn đề xin việc biết và nhận tiền giao cho bà H.

Lời khai của Trần Thị Thanh T phù hợp với lời khai của Bùi Thị Quỳnh H: "*Vào tháng 6/2015 bị can nói cho T biết là: Dạo này việc bà H mua bán đất gặp khó khăn, không thuận lợi nên chạy thêm việc làm để kiếm thêm thu nhập; tôi còn nói cho T biết có quen biết lãnh đạo sở ban ngành, có bạn học K8 tại Thanh Hóa quê Quảng Trị làm việc trong hội đồng xét tuyển tỉnh TT Huế có khả năng xin được việc và đã nhận hồ sơ của nhiều người. Nếu có người thân, đồng nghiệp xin dạy học, chuyển trường thì giới thiệu để xin giúp và trích hoa hồng. Tôi còn nói với T là em cứ tin tưởng chị, nếu không xin được thì hoàn trả lại tiền. Sau đó để làm tin tôi còn điện thoại nhiều lần cho T là em cứ tin tưởng vào chị, nếu không xin được chị sẽ trả lại tiền cho em*"; " *Bị can cho chị T những thông tin đó là thông tin bịa đặt, gian dối, không có thật ...là để T tin tưởng bị can có khả năng xin được việc làm, xin chuyển được trường để chị T đưa tiền nhiều lần...với mục đích chiếm đoạt số tiền chị T đưa cho bị can*"; "*chị T không biết bị can đưa ra những thông tin đó là thông tin bịa đặt, gian dối, không có thật"*; "*các lần giao nhận tiền tôi đều viết, ký giấy mượn tiền đưa cho chị T cất giữ*" và "*các trường hợp cụ thể chị T điện thoại hỏi tôi thì tôi đều trả lời xin được việc làm, chuyển được trường. Tôi còn nói cụ thể về thời gian, số tiền...nếu không được sẽ hoàn trả lại tiền*".

Phù hợp với lời khai của các bị hại và những người kháng cáo trong vụ án về việc họ là người chủ động đến nhà Trần Thị Thanh T nhờ T xin việc; họ biết Trần Thị Thanh T không phải là người trực tiếp xin việc mà phải thông qua

người khác và mỗi lần họ đến nhờ T thì T điện thoại cho một người khác để hỏi xin được việc làm không, viết giấy nhận tiền và cam kết trả lại tiền ... "*Tôi có con gái đang học sư phạm toán, sắp ra trường, tôi hỏi T có quen biết ai xin được việc cho cháu không. T trả lời việc đó cháu không hứa, để từ từ đã có gì em tìm hiểu trả lời anh. Khoảng 1 tháng sau T điện thoại cho tôi biết là T không trực tiếp lo được việc nhưng có quen Bác, người này có khả năng xin được cho cháu ...nếu anh muốn thì em trao đổi với Bác, có gì em thông tin lại...khi đó tôi nói T nếu quen Bác có khả năng xin được việc thì nhờ T giúp.*" và "*T cho tôi biết nếu không xin được việc thì sẽ trả lại đủ số tiền cho tôi.*" (Lời khai của ông Trần Đ).

"*Bạn tôi có nói với Trần Thị Thanh T rằng có đứa bạn (tức là tôi) đang dạy ở trường tiểu học Phú Mậu, chị có trường nào chuyển lên thành phố được không giúp nó với. Lúc này T chỉ cười không nói gì. Khoảng một năm sau, cô Trần Thị Thanh T gọi điện cho bạn tôi và bảo tôi gọi điện thì tôi lập tức gọi điện lại cho chị T, chị T cho biết quen một người rất to...chị sẽ xin chuyển trường được cho em*" (Lời khai của bà Phạm Thị H2).

"*Khi đến gặp cô Trần Thị Thanh T thì cô Trần Thị Thanh T cho biết là xin cho con gái tôi thông qua bác là bạn của chồng cô T*" và "*các lần giao nhận tiền đều có lập giấy tờ*" (Lời khai của bà Lê Thị H H3).

"*Tôi chủ động đến gặp chị T đặt vấn đề nhờ chị T xin việc cho em trai tôi là Nguyễn Văn Tính...chị T trả lời để chị suy nghĩ và hỏi đã...sau đó khoảng 1 đến 2 ngày chị T điện thoại cho tôi biết là đã nhờ một Bác quen có khả năng xin được việc, Bác đã nhận lời xin việc cho em tôi...*"; "*Khi tôi đặt vấn đề với chị T thì chị T cho tôi biết là chị không trực tiếp xin việc cho Tính mà chị nhờ Bác có khả năng xin việc làm và Bác đã đồng ý*" và "*chị T không có khả năng xin việc làm vì chị chỉ là giáo viên suốt ngày đứng lớp hơn nữa mới chuyển về từ A nên ít có quan hệ.*" (Lời khai của bà Nguyễn Thị H1).

"*Trong lúc dự giờ dạy giỏi, tôi ngồi cạnh chị Trần Thị Thanh T. Tôi hỏi chị T về con gái chị T học ra làm gì, chị T cho biết đang nhờ Bác xin việc cho cháu. Tôi hỏi chồng chị có quen biết, xin việc cho thằng cu em với...chị T nói để về hỏi đã ...*" và "*Khi tôi đặt vấn đề xin việc như tôi đã trình bày thì chị T nói để về hỏi đã, có gì trả lời sau. Sau đó tôi được chị T điện thoại nói cho tôi biết là đã nhờ Bác có khả năng xin việc cho T, Bác đã đồng ý...nếu không xin được sẽ hoàn trả lại tiền...*" và "*đến tháng 4/2016 chị T cho tôi biết là đưa tiền và hồ sơ cho bà Bùi Thị Quỳnh H để nhờ bà H xin việc làm và bị bà lừa rồi*" (Lời khai của bà Nguyễn Thị C).

*"Khi tôi đặt vấn đề nhờ chị T xin cho vợ tôi chuyển trường từ A về Huế để dạy học, chị T cho tôi biết là chị có quen một người có khả năng xin việc,*

*chuyển trường để chị nhờ Bác giúp. Sau đó chị cho tôi biết là chị đã nhờ Bác và Bác đã đồng ý giúp xin cho vợ tôi về T Cựu*" và "*đến sau này thì chị T cho tôi biết là chị đưa tiền và hồ sơ cho bà Bùi Thị Quỳnh H, ở đường P để nhờ bà H xin chuyển trường cho vợ tôi nhưng bà H không thực hiện theo cam kết và bỏ trốn*" (Lời khai của ông Nguyễn Thiện Q).

Từ các chứng cứ trên, HĐXX cấp phúc thẩm có cơ sở xác định: Chỉ vì hoàn toàn tin tưởng vào thông tin gian dối do Bùi Thị Quỳnh H cung cấp và hứa hẹn (*là H có mối quan hệ rộng rãi, quen biết nhiều, có khả năng xin được việc làm và trả lại tiền nếu không xin được việc và khi nhận tiền H đều viết giấy nhận tiền, cam kết thời gian xin việc*) nên từ tháng 08/2015 đến tháng 01/2016, Trần Thị Thanh T đã đứng ra nhận tiền và hồ sơ xin việc, xin chuyển trường của 08 trường hợp rồi chuyển cho H. Bản thân Trần Thị Thanh T không bàn bạc, thống nhất với H để đưa ra thông tin gian dối nhằm chiếm đoạt tài sản của các bị hại và Trần Thị Thanh T cũng không biết mục đích chiếm đoạt của Bùi Thị Quỳnh H; ý thức chủ quan và mục đích của Trần Thị Thanh T là muốn giúp đỡ cho bạn bè, người thân, đồng nghiệp có việc làm và kiếm thêm ít thu nhập; Trần Thị Thanh T không biết được hậu quả xảy và sau khi biết bị H chiếm đoạt T không có ý thức bỏ mặc hậu quả mà đã chủ động trả lại cho 08 trường hợp trên ngay sau khi H bỏ trốn với số tiền là 312.000.000đ; đã chứng tỏ Trần Thị Thanh T không có mục đích chiếm đoạt tiền của các bị hại. Do đó, không có đủ cơ sở kết luận Trần Thị Thanh T đồng phạm với Bùi Thị Quỳnh H về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" như kháng cáo và kháng nghị đề nghị.

[2.2] Theo lý lịch của và lời khai của Bùi Thị Quỳnh H thể hiện từ năm 1992 cho đến thời điểm phạm tội, Bùi Thị Quỳnh H không có nghề nghiệp, chỉ làm nội trợ cho gia đình nên không có thu nhập và sử dụng số tiền chiếm đoạt của 33 người bị hại để sinh hoạt và tiêu xài cá nhân. Vì vậy, trường hợp phạm tội của bị cáo Bùi Thị Quỳnh H là "*phạm tội có tính chất chuyên nghiệp*" được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 48; đã được hướng dẫn cụ thể tại tiểu mục 5 Nghị quyết số 01/2006/NQ-HĐTP ngày 12/5/ 2006 của Hội đồng thẩm phán TANDTC và điểm 3 Điều 5 Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐTP ngày 24/5/2019 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC; Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết tăng nặng này đối với bị cáo H là thiếu sót. Hơn nữa số tiền phạm tội của bị cáo là rất lớn. Cho nên, HĐXX cấp phúc thẩm chấp nhận kháng nghị và tăng hình hình phạt đối với bị cáo Bùi Thị Quỳnh H.

[3] Các quyết định khác còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên cấp phúc thẩm không xét.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH**:

Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 355 và Điểm a khoản 2 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của những người bị hại là bà Nguyễn Thị H1, bà Nguyễn Thị C, bà Phạm Thị H2, ông Trần Đ và bà Lê Thị H H3.

Chấp nhận một phần kháng nghị số 33/2019/KN-HS-VC2 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng và sửa bản án sơ thẩm về hình phạt;

Xử: Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 (*sửa đổi, bổ sung năm 2009*); điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm b, g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị Quỳnh H 15 (*mười lăm*) năm tù về tội "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*", thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt tạm giữ 09/11/2016.

Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, về án phí sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị hại không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Phòng HSNV-Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS - tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lê Phước Thanh**